

Bản án số: 228/2021/DS-PT

Ngày: 29-4-2021

V/v “tranh chấp chia thừa kế”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2020/TLDS-PT ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 539/2021/QĐ-PT ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số X, Nguyễn Chí Th, khóm 2, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Số Y, đường Nguyễn Thái H, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 11 năm 2016). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1948. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số Z, Nguyễn Chí Th, khóm 1, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1944; Địa chỉ: Phạm Thái B, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2019) (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1952. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: USA.

3.2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1954. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1956; địa chỉ cư trú: Số X, Nguyễn Chí Th, khóm 2, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 8 năm 2015). (vắng mặt)

3.3. Bà Trần Đình Nhật H, sinh năm: 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm 3, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1956; địa chỉ cư trú: Số X, Nguyễn Chí Th, khóm 2, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 8 năm 2016). (vắng mặt)

3.4. Ông Lê Minh T2, sinh năm: 1950. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số A, đường Nguyễn Chí Th, khóm 1, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn H1 – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn H2 (chết năm 2000) và bà Lê Thị T3 (chết năm 2004) là vợ chồng, không để lại di chúc. Quá trình chung sống với nhau không ai có con riêng, có 06 người con chung gồm:

1. Nguyễn Thị O (Ann Nguyen) (chết năm 1991 – có chồng trước là Trần Văn T4 hiện đã chết không cung cấp được giấy chứng tử, có một con là Trần Đình Nhật H, chồng sau là Nguyễn Ngọc L, ông L không có con chung với bà O).

2. Nguyễn Văn Đ là bị đơn đang sinh sống tại thành phố Vĩnh Long.

3. Nguyễn Văn T1 đang sinh sống tại USA.

4. Nguyễn Văn V đang sinh sống tại Canada.

5. Nguyễn Văn K là nguyên đơn trong vụ án.

6. Nguyễn L1 (L V Nguyen) (chết năm 2004) - không có vợ con.

Sinh thời ông H2, bà T3 có tạo lập được phần đất và căn nhà cấp 4 thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 5, diện tích 275,8m² (trong đó có 120m² đất đô thị, 155,8m² đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại Phường 5, thành phố Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 đã hư hỏng. Sau khi ông H2 mất, ngày 24/5/2000, các anh, em ông K có lập văn bản “nhà đất hương hỏa” tại Văn phòng dịch vụ pháp lý tỉnh Vĩnh Long với nội dung “nhà và đất nêu trên là di sản thừa kế chung, là nhà đất hương hỏa. Tạm giao cho anh cả là Nguyễn Văn Đ ở, quản lý, chăm sóc mẹ, quản lý giữ gìn nhà hương hỏa, không được mua bán, cho thuê hay bất cứ giao dịch nào khác”. Năm 2005 ông Nguyễn Văn Đ kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 112 vào ngày 21/4/2005; năm 2008 ông Đ tiếp tục tự ý kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở vào ngày 17/3/2008.

Năm 2007 ông K dùng 55.000 USD để xây dựng mới một phần và sửa chữa căn nhà do cha mẹ để lại thành nhà cấp 03 (01 trệt, 02 lầu), tiếp tục giao cho ông Đ tới lui trong nom, quản lý và thờ cúng cha mẹ. Ngày 14/02/2008 ông Đ đã xác lập văn bản chuyển giao quyền quản lý, sử dụng di sản hương hỏa cho ông K tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Vĩnh Long; nhưng thực tế cho ông Đ tiếp tục quản lý di sản và thờ cúng cha mẹ và ông K thường xuyên từ Mỹ về Việt Nam lưu trú tại căn nhà số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Năm 2015 khi ông K về lưu trú tại căn nhà trên thì ông Đ gây cản trở, không cho ông lưu trú tại địa chỉ trên.

Theo đơn khởi kiện và đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 21/2/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/5/2019 ông K yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 160, diện tích 224,2m² (trong đó có 120m² thổ, 104,2m² đất vườn), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại số 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 941893 cấp ngày 08/4/2019, sổ vào sổ CS 16231.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 160, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,2m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, phần đất tọa lạc tại số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; thành 05 phần bao gồm: Vân, Tiến, K, Đ và chồng con của bà O; yêu cầu được nhận đất và hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật và yêu cầu tạm giữ các kỷ phần của ông T1, ông V, bà O (thừa kế là chị H).

- Đồng ý giao cho ông Lê Minh T2 quản lý, sử dụng diện tích 43,3m², thửa 161, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại số 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Minh T2 đứng tên quyền sử dụng đất.

- Đối với căn nhà cấp 3 (01 trệt, 2 lầu): Thống nhất giá trị căn nhà cũ do cha mẹ xây dựng là 400.000.000 đồng và thống nhất chia giá trị nhà thành 05 phần theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá tài sản ngày 12/3/2019 và yêu cầu ông Đ giao căn nhà trên lại cho ông, ông K hoàn giá trị cho các thừa kế còn lại; đồng ý cho ông Đ lưu trú tại căn nhà địa chỉ 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố

Vĩnh Long là 01 tháng hoặc tùy tòa quyết định vì ông Đ không ở trực tiếp tại căn nhà trên.

Theo bản khai ý kiến ngày 27/5/2016 của ông Nguyễn Văn Đ và đơn yêu cầu phản tố ngày 21/10/2019; cùng các lời trình bày tiếp theo của ông Đ trong quá trình tố tụng thể hiện:

- Thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn K về quan hệ huyết thống, quan hệ tài sản. Thống nhất hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 160, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,2m² (trong đó có 120m² thổ, 104,2m² đất vườn), tọa lạc tại số 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 941893 cấp ngày 08/4/2019, số vào sổ CS 16231.

Thống nhất giá trị căn nhà cũ do cha mẹ xây dựng là 400.000.000 đồng và đồng ý chia thừa kế phần đất, giá trị nhà thành 05 phần, đồng ý giao cho ông K nhà đất và yêu cầu nhận giá trị nhà đất theo biên bản định giá ngày 12/3/2019; yêu cầu lưu trú trên căn nhà tại địa chỉ 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long tối thiểu là 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Đồng ý giao cho ông Lê Minh T2 quản lý, sử dụng diện tích 43,3m², thửa 161, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại số 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Lê Minh T2 đứng tên quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu tất cả các anh, em trả tiền công giữ nhà cho ông khoảng 20 năm là 240.000.000 đồng và không có ý kiến đối với các kỷ phần của ông T1, ông V, bà O có thừa kế thế vị là chị H.

Theo bản khai ngày 17/01/2017 và giấy ủy quyền ngày 04/8/2016 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Đình Nhật H thể hiện: Cha mẹ ruột của chị là bà Nguyễn Thị O (Ann Nguyen) – chết năm 1991 và ông Trần Văn T4, chồng sau của bà O là ông Nguyễn Ngọc L, không có con chung với ông L. Đối với yêu cầu chia thừa kế chị ủy quyền cho ông K toàn bộ vụ việc trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T2 trình bày: Đồng ý nhận diện tích 43,3m², thửa 161, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại số 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn Đ đã tách thửa cho ông và yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V, Trần Đình Nhật H có ông Nguyễn Văn K trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông K.

Theo tờ trình ngày 26/12/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về quan hệ huyết thống và quan hệ tài sản thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Năm 2007 ông Nguyễn Văn K từ Hoa Kỳ về Việt Nam, tự ý bỏ tiền sửa chữa nhà hương hỏa nêu trên nhưng không thông qua ý kiến của các anh, em. Các tài sản nhà, đất trên không thuộc quyền sở hữu của ông K mà thuộc

về gia đình anh, em của ông, nên ông không đồng ý phân chia các tài sản hương hỏa trên và xin vắng mặt tại phiên tòa khi xét xử vụ án.

Theo Công văn số 2614/STNMT ngày 22/7/2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Theo kết quả khảo sát, đo đạc, hiện tại thửa 112 đã tách thành hai thửa như sau:

- Thửa 160, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,2m², loại đất ở và trồng cây lâu năm, do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp quyền sử dụng đất ngày 08/4/2019, số phát hành CP 941893, số vào sổ CS 16231, tọa lạc tại số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Thửa 161, tờ bản đồ số 5, diện tích 43,3m², loại đất trồng cây lâu năm, do ông Lê Minh T2 đứng tên quyền sử dụng đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp quyền sử dụng đất ngày 08/4/2019, số phát hành CP 941895, số vào sổ CS 16232, tọa lạc tại số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 160, diện tích 224, 2m² cho ông Nguyễn Văn Đ là thực hiện đúng quy định tại Điều 75 và Điều 76, nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc ông Đ tách thành 02 thửa là đủ điều kiện để tách thửa. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xin vắng mặt tại các phiên xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

1. Chia cho ông Nguyễn Văn K kỷ phần thừa kế bằng hiện vật. Buộc ông Nguyễn Văn Đ giao cho Nguyễn Văn K căn nhà cấp 3 có kết cấu 01 trệt 02 lầu và sân thượng có diện tích 114,33m² gắn liền diện tích đất 224,2m² (trong đó có 120m² đất ODT, 104,2m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 160, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khóm 1, Phường 5, thành phố Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/4/2019 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất). Ông Nguyễn Văn K được đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn Đ được lưu cư trong hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Chia cho ông Nguyễn Văn Đ một kỷ phần thừa kế bằng giá trị. Buộc ông Nguyễn Văn K hoàn giá trị kỷ phần thừa kế ông Nguyễn Văn Đ được hưởng là 251.189.528 đồng.

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 941893 cấp ngày 08/4/2019, số vào sổ CS 16231 mang tên ông Nguyễn Văn Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp.

4. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu đòi tiền công quản lý di sản là 240.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn Đ là ông Nguyễn Ngọc S trình bày: bị đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu các anh em phải trả tiền công giữ nhà 20 năm cho ông Đ bằng số tiền là 240.000.000 đồng, đồng thời ông Đ không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông K làm 5 kỷ phần bằng nhau. Trường hợp việc thay đổi kháng cáo này không được chấp nhận thì đề nghị được xem xét về công sức đóng góp và giá của tài sản tranh chấp vì hiện nay giá đã cao hơn khi xét xử sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Minh T trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Đ, tuy nhiên ông K tự nguyện hỗ trợ cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng và không đồng ý cho ông Đ lưu cư 06 tháng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bảo đảm cho các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm kháng cáo bổ sung là không đồng ý chia thừa kế mà để căn nhà lại làm nhà hương hỏa, đây là yêu cầu vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không được xem xét. Xét thấy yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn K và các đồng thừa kế là có cơ sở chấp nhận một phần; bởi lẽ: tài sản tranh chấp có nguồn gốc nhà đất là của cụ H2 (chết năm 2000) và cụ T3 (chết năm 2004) không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật thành 05 phần bằng nhau; thửa 160 có diện tích đất thực tế là 224,2m² (thổ 120m² giá 5.071.300đ/m², vườn 104,2m² giá 2.074.200đ/m²) thành tiền là 855.949.640đ + giá trị căn nhà cũ là 400.000.000đ = 1.255.949.640đ. Mỗi người được hưởng 251.189.528đ/kỷ phần, các đương sự thỏa thuận chia thừa kế thành 05 phần; bị đơn không thống nhất về giá đất cho rằng giá thấp, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2019 bị đơn ông Đ cũng thống nhất giá thị trường theo Hội đồng định giá đã định nên không chấp nhận yêu cầu về giá đất của ông Đ đưa ra theo giá của Công ty TNHH thẩm định giá Tây Nam.

Đối với yêu cầu của ông Đ về yêu cầu ông K trả tiền công quản lý tài sản là 240.000.000 đồng: theo án lệ số 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì ông Đ có thời gian giữ gìn, bảo quản làm tăng giá trị nhà đất nên cần xem xét chấp nhận và tương đương với 1 kỷ phần thừa kế.

Về yêu cầu lưu trú 06 tháng của ông Đ: Do ông Đ ở căn nhà tranh chấp trong thời gian dài làm thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn, vợ và con của ông Đ cũng có 01 căn nhà khác đang sinh sống do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông Đ lưu trú 03 tháng cũng đủ thời gian để ông Đ ổn định cuộc sống.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu tính công sức cho ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ:

[2.1] Về hàng thừa kế:

Ông Nguyễn Văn H2 và bà Lê Thị T3 là vợ chồng chung sống với nhau có 06 người con chung gồm:

- Nguyễn Thị O (Ann Nguyen) (chết năm 1991) – có chồng trước là Trần Văn Tuấn, chồng sau là Nguyễn Ngọc Lễ. Ông Tuấn, ông Lễ là chồng của bà O được thông báo về vụ kiện của ông K và ông Đ; yêu cầu Tuấn, ông Lễ xác định ngoài Trần Đình Nhật H, bà O và ông Tuấn, ông Lễ còn có con chung nào nữa không, nhưng ông Tuấn và ông Lễ không có văn bản trả lời. Các anh em của bà O xác định bà O chỉ có một con là Trần Đình Nhật H, nên chị H là thừa kế thế vị của bà O.

- Nguyễn Văn Đ là bị đơn đang sinh sống tại thành phố Vĩnh Long.
- Nguyễn Văn T1 đang sinh sống tại USA.
- Nguyễn Văn V đang sinh sống tại Canada.
- Nguyễn Văn K là nguyên đơn trong vụ án.
- Nguyễn L (L V Nguyen) (chết năm 2004) - không có vợ con.

Ông Nguyễn Văn H2 chết năm 2000, bà Lê Thị T3 chết năm 2004; không để lại di chúc. Do ông H2 và bà T3 chết không để lại di chúc nên thừa kế được chia theo pháp luật, ông Nguyễn Long chết 2004 không có vợ con, bà O chết trước ông H2 và bà T3 nên thừa kế thế vị của bà O là Trần Đình Nhật H, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định 5 kỷ phần thừa kế bằng nhau của các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất phần đất tại thửa 112, tờ bản đồ số 5, diện tích 275,8m² (trong đó có 120m² đất ODT và 155,8m² đất trồng cây lâu năm) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/8/2005 mang tên ông Nguyễn Văn Đ là di sản thừa kế.

Ngày 20/10/2018 Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long ban hành quyết định số 3743/QĐ-UBND về việc thu hồi 7,5m² để nâng cấp, mở rộng lộ giới. Ngày 18/01/2019 ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ 5, diện tích 267,5m². Sau đó ông Đ tách thành 02 thửa là thửa 160 và 161. Đối với phần đất thửa 161, tờ bản đồ số 5, diện tích 43,3m², tọa lạc tại số 149, Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, hiện do ông Lê Minh T2 đứng tên cấp ngày 08/4/2019.

- Đối với phần đất này hiện ông T2 đang quản lý, sử dụng và xây nhà kiên cố từ khi bà T3 còn sống; nên ông Đ, ông K và ông K đại diện cho ông V, bà Hà thống nhất cho ông T2 không tranh chấp. Ông T1 đã được thông báo thụ lý vụ án bổ sung nêu rõ ý kiến của ông K và ông Đ, ông T2 về phần đất ông T2 đang quản lý sử dụng, nhưng ông T1 không có ý kiến. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định việc ông Đ tách thửa đất là đủ điều kiện tách thửa, thực tế phần đất ông T2 quản lý sử dụng, ông T2 đã xây nhà kiên cố từ khi bà T3 còn sống và được cấp quyền sử dụng đất đúng trình tự thủ tục, các bên không tranh chấp và đồng ý tiếp tục giao cho ông T2 quản lý sử dụng là có căn cứ.

- Đối với phần đất thửa 160, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,2m² (trong đó có 120m² thổ, 104,2m² đất vườn), tọa lạc tại số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 941893 cấp ngày 08/4/2019, sổ vào sổ CS 16231. Trên phần đất này có gắn liền căn nhà 01 trệt, 02 lầu và sân thượng. Các bên đương sự xác định căn nhà này do ông K bỏ tiền ra xây dựng dựa trên một phần căn nhà cũ của bà T3 và ông H2. Các bên thống nhất giá trị phần nhà còn lại của bà T3 và ông H2 là 400.000.000 đồng.

Đối với giá đất tranh chấp: Ông K yêu cầu lấy giá đất theo giá thị trường đã định ngày 12/3/2019. Ông Đ yêu cầu lấy giá của Công ty TNHH thẩm định giá Tây Nam do ông cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án. Thấy rằng, tại biên bản định giá ngày 12/3/2019 ông Đ và ông K đã thống nhất giá thị trường giá đất ở đô thị là 5.071.300 đồng, giá đất cây lâu năm là 2.374.200 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2019 các đương sự thống nhất giá thị trường theo biên bản định giá ngày 12/3/2019 làm căn cứ xét xử. Đến ngày 09/10/2019 ông Đ có đơn xin hoãn phiên tòa ngày 15/9/2019 vì lý do ông Đ đã nhờ cơ quan thẩm định giá Tây Nam để thẩm định giá đất. Như vậy, ông Đ đã tự ý thuê định giá mà không thông qua Tòa án, không thỏa thuận với phía nguyên đơn về lựa chọn đơn vị thẩm định giá, nên mức giá ông Đ yêu cầu theo công ty thẩm định giá Tây Nam không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vậy phần đất định giá thị trường giá đất ODT là 5.071.300 đồng, đất vườn 2.374.200 đồng theo biên bản định giá ngày 12/3/2019 (BL 255). Tổng giá trị đất

là: Đất ODT $120m^2 \times 5.071.300 \text{ đ} = 608.556.000\text{đ}$, đất vườn $104,2m^2 \times 2.374.200\text{đ} = 247.391.640\text{đ}$. Tổng giá trị là 855.947.640 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế nhà và đất là: 1.255.947.640 đồng. Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: 1.255.947.640 đồng : 5 phần = 251.189.528 đồng.

Đối với kỷ phần thừa kế của ông V, ông T1, bà O thừa kế thế vị là chị H, ông Đ và ông K thỏa thuận ông Đ nhận giá trị và giao cho ông K phần đất và nhà, kỷ phần thừa kế còn lại tạm giao cho ông K là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu được nhận nhà đất của ông K là có căn cứ, vì ông K có 2 quốc tịch Việt Nam và Mỹ, hiện tại ông K đã hồi hương và đang sinh sống tại Việt Nam, đã có hộ khẩu thường trú tại Việt Nam, nên đủ điều kiện nhận nhà đất. Ông Đ cũng đồng ý giao nhà đất cho ông K, nên ông K có nghĩa vụ hoàn giá trị nhà đất cho các đồng thừa kế như nhận định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tạm giao các kỷ phần thừa kế bằng giá trị của ông V, ông T1, chị H cho ông K quản lý.

Tuy nhiên, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên chưa rõ ràng khi không nêu rõ kỷ phần của từng người và cách tạm giao kỷ phần thừa kế của những người ở nước ngoài hoặc thỏa thuận giữa các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ điều chỉnh cách tuyên đối với nội dung này để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 941893 cấp ngày 08/4/2019, số vào sổ CS 16231 mang tên ông Nguyễn Văn Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp là có căn cứ, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ được cấp đang trong thời gian tranh chấp và ông Đ cũng đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[4] Đối với yêu cầu đòi tiền công sức 240.000.000 đồng của ông Đ:

Trong thời gian quản lý phần đất và căn nhà cấp 4 của cha mẹ, ông Đ có cho Công ty TNHH Thiên Phúc thuê thời gian 02 năm, giá mỗi tháng 800.000 đồng và thu nhập này ông Đ sử dụng toàn bộ, các bên không tranh chấp số tiền này là có lợi cho ông Đ. Đến năm 2008 ông Đ giao toàn bộ quyền quản lý lại cho ông K, nhưng thực tế ông Đ vẫn sử dụng quản lý căn nhà và đất, ông Đ cho rằng ông không có chỗ ở nếu không ở căn nhà này phải đi thuê nhà khác; như vậy, việc ông Đ ở nhà này là có lợi cho ông Đ. Khi Nhà nước giải phóng mặt bằng để làm đường, ông Đ đã nhận toàn bộ tiền bồi thường không giao cho ai khác, các đương sự không tranh chấp số tiền này là có lợi cho ông Đ. Ngoài ra, ông K yêu cầu ông Đ giao lại nhà đất cho ông K, ông Đ không thực hiện, lại yêu cầu trả tiền công quản lý 20 năm là không căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của ông K đồng ý hỗ trợ thêm cho ông Đ 40.000.000 đồng, nhằm tạo điều kiện cho ông Đ nhanh chóng giao trả nhà, việc hỗ trợ thêm này là tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với việc ông Đ yêu cầu được lưu cư 06 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, đại diện ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý, ông Đ đã không quản lý hoặc giao nhà, lại còn bán đi một số tài sản của ông bà để lại. Hội đồng xét xử xét thấy ông Đ đã có nhà ở gần căn nhà đang tranh

chấp, từ khi xét xử sơ thẩm đến nay hơn 01 năm có đủ thời gian cho bị đơn tìm kiếm nơi ở mới hoặc về ở nhà của mình với vợ con; nhận thấy yêu cầu này của bị đơn không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm cho bị đơn lưu cư 03 tháng để ông Đ chuẩn bị tìm kiếm chỗ ở khác là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, ủy thác tư pháp, án phí dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo và quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] **Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

1.1/ Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn H2 và bà Lê Thị T3 là phần đất và nhà thuộc thửa 160, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,2m² (trong đó có 120m² thổ, 104,2m² đất vườn), tọa lạc tại số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 941893 cấp ngày 08/4/2019, sổ vào sổ CS 16231 cho 05 người gồm các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T1, thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị O là chị Trần Đình Nhật H. Ông K và các đồng thừa kế mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế tương đương 251.189.528 đồng.

1.2/ Ông Nguyễn Văn K được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là phần đất và nhà thuộc thửa 160, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,2m² (trong đó có 120m² thổ, 104,2m² đất vườn), tọa lạc tại số 149, đường Nguyễn Chí Thanh, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/4/2019 (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất). Buộc ông Nguyễn Văn Đ giao cho ông Nguyễn Văn K căn nhà cấp 3 có kết cấu 01 trệt 02 lầu và sân thượng có diện tích 114,33m² gắn liền diện tích đất nêu trên. Ông Nguyễn Văn K được

quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để làm các thủ tục liên quan đến việc đăng ký kê khai quyền sử dụng nhà, đất nêu trên.

Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ giao trả từng kỳ phần thừa kế tương đương số tiền là 251.189.528 đồng cho mỗi người gồm ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn T1, thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị O là chị Trần Đình Nhật H. Tạm giao số tiền này cho ông K quản lý và ông K có nghĩa vụ giao trả cho họ khi họ có yêu cầu.

1.3/ Ông Nguyễn Văn Đ được lưu cư trong hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn K đồng ý hỗ trợ thêm cho ông Đ 40.000.000 đồng trong việc dọn đồ đạc, giao trả nhà cho ông Nguyễn Văn K.

2/. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 941893 cấp ngày 08/4/2019, số vào sổ CS 16231 mang tên ông Nguyễn Văn Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp.

3/. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về yêu cầu đòi tiền công quản lý di sản là 240.000.000 đồng.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, ủy thác tư pháp, án phí dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự (7);
- Lưu HS, VP(5) (20b). (LTTT).

Nguyễn Đắc Minh